TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 157/2024/QĐST-HNGĐ	*A, ngày 14 tháng 6 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" giữa:

Nguyên đơn: Chị **Mai Thị Ngọc N** – Sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn R, xã C, huyện A, tỉnh B.

Bị đơn: Anh **Phạm Văn T** – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Thôn R, xã C, huyện A, tỉnh B.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Mai Thị Ngọc N và anh Phạm Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Mai Thị Ngọc N và anh Phạm Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. *Về quan hệ con chung*: Chị Mai Thị Ngọc N và anh Phạm Văn T có 02 người con chung là cháu Phạm Trường S, SN: 09/8/2009 và cháu Phạm Thảo Q, SN: 04/02/2013. Chị N và anh T thống nhất thoả thuận, chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Thảo Q; sinh ngày 04/02/2013, anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Phạm Trường S; sinh ngày 09/8/2009. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con bên nào.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với người trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng sau khi ly hôn.

2.3. *Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị Mai Thị Ngọc N và anh Phạm Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. *Án phí HNST*: Chị Mai Thị Ngọc N tự nguyện chịu 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) nộp vào ngân sách Nhà nước; được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp. Hoàn trả lại cho chị N 150.000^{đ} (một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006835 ngày 15/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã C, huyện A, tỉnh B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

THẨM PHÁN

Phan Thanh D